

## **LUYỆN TỪ VÀ CÂU**

### **DẤU GẠCH NGANG**

#### **I – MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

1. Nắm được tác dụng của dấu gạch ngang.
2. Sử dụng đúng dấu gạch ngang trong khi viết.

## II – ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

- Một tờ phiếu viết lời giải BT1 (phần Nhận xét).
- Một tờ phiếu viết lời giải BT1 (phần Luyện tập).
- Bút dạ, 3 – 4 tờ giấy trắng khổ rộng để HS làm BT2.

## III – CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

### A – KIỂM TRA BÀI CŨ

GV kiểm tra 2 HS làm bài tập của tiết LTVC trước (*MRVT : Cái đẹp*).

HS1 làm lại BT2, 3. HS2 đọc thuộc 3 thành ngữ trong BT4. Đặt một câu sử dụng 1 trong 3 thành ngữ trên.

### B – DẠY BÀI MỚI

#### 1. Giới thiệu bài

GV : Từ năm lớp 1, các em đã được học những dấu câu nào ? (Dấu chấm, dấu phẩy, dấu chấm hỏi, dấu chấm than, dấu hai chấm). Bài học hôm nay giúp các em biết thêm một dấu câu mới : dấu gạch ngang.

#### 2. Phân Nhận xét

##### Bài tập 1

- Ba HS tiếp nối nhau đọc nội dung BT1.
- HS tìm những câu văn có chứa dấu gạch ngang, phát biểu ý kiến. GV chốt lại bằng cách dán tờ phiếu đã viết lời giải :

Đoạn a | *Thấy tôi sán đến gần, ông hỏi tôi :*

- *Cháu con ai ?*
- *Thưa ông, cháu là con ông Thư.*

Đoạn b | *Cái đuôi dài – bộ phận khoẻ nhất của con vật kinh khủng dùng để tấn công – đã bị trói xếp vào bên mạng sườn.*

Đoạn c | *– Trước khi bật quạt, đặt quạt nơi...*

*– Khi điện đã vào quạt, tránh...*

*– Hằng năm, tra dầu mỡ...*

*– Khi không dùng, cất quạt...*

##### Bài tập 2

HS đọc yêu cầu của bài, suy nghĩ. GV giữ tờ phiếu viết lời giải BT1. HS nhìn phiếu lời giải, tham khảo nội dung phần *Ghi nhớ*, trả lời :

Đoạn a :

*Thấy tôi sán đến gần, ông hỏi tôi :*

– *Cháu con ai ?*

– *Thưa ông, cháu là con ông Thư.*

Đoạn b :

*Cái đuôi dài – bộ phận khoẻ nhất của con vật kinh khủng dùng để tấn công – đã bị trói xếp vào bên mạng sừm.*

Đoạn c :

– *Trước khi bật quạt, đặt quạt nơi...*

– *Khi điện đã vào quạt, tránh...*

– *Hằng năm, tra dầu mỡ...*

– *Khi không dùng, cất quạt...*

Dấu gạch ngang đánh dấu chỗ bắt đầu lời nói của nhân vật (ông khách và cậu bé) trong đối thoại.

Dấu gạch ngang đánh dấu phần chú thích (về cái đuôi dài của con cá sấu).

Dấu gạch ngang liệt kê các biện pháp cần thiết để bảo quản quạt điện được bền.

### 3. Phần Ghi nhớ

Ba, bốn HS đọc nội dung cần ghi nhớ trong SGK.

### 4. Phần Luyện tập

#### Bài tập 1

HS đọc nội dung BT1, tìm dấu gạch ngang trong truyện *Quà tặng cha*, nêu tác dụng của mỗi dấu. HS phát biểu ý kiến. GV chốt lại bằng cách dán tờ phiếu đã viết lời giải :

#### Câu có dấu gạch ngang

*Pa-xcan thấy bố mình – một viên chức tài chính – vẫn cặm cụi trước bàn làm việc.*

*"Những dãy tính cộng hàng ngàn con số. một công việc buồn tẻ làm sao !" – Pa-xcan nghĩ thầm.*

*– Con hi vọng món quà nhỏ này có thể làm bố bớt nhứt đầu vì những con tính – Pa-xcan nói.*

#### Tác dụng

Đánh dấu phần chú thích (bố Pa-xcan là một viên chức tài chính).

Đánh dấu phần chú thích (đây là ý nghĩ của Pa-xcan).

Dấu gạch ngang thứ nhất : đánh dấu chỗ bắt đầu câu nói của Pa-xcan

Dấu gạch ngang thứ hai : đánh dấu phần chú thích (đây là lời Pa-xcan nói với bố).

#### Bài tập 2

– HS đọc yêu cầu của bài tập. GV lưu ý : đoạn văn em viết cần sử dụng dấu gạch ngang với 2 tác dụng :

+ Đánh dấu các câu đối thoại.

+ Đánh dấu phần chú thích.

– HS viết đoạn trò chuyện giữa mình với bố mẹ. GV phát bút dạ và phiếu cho một số HS.

– HS tiếp nối nhau đọc bài viết trước lớp. GV kiểm tra lại nội dung bài viết, cách sử dụng các dấu gạch ngang trong bài viết của một số em, nhận xét.

– GV mời một số HS dán bài lên bảng lớp, chấm điểm bài làm tốt. Ví dụ :

*Tuần này, tôi học hành chăm chỉ, luôn được cô giáo khen. Cuối tuần, như thường lệ, bố hỏi tôi :*

*– Con gái của bố tuần này học hành thế nào ?*

Gạch ngang đầu dòng đánh dấu chỗ bắt đầu lời hỏi của bố.

*Tôi đã chờ đợi câu hỏi này của bố nên vui vẻ trả lời ngay :*

*– Con được 3 điểm 10 bố ạ.*

Gạch ngang đầu dòng đánh dấu chỗ bắt đầu lời nói của tôi.

*– Thế ư ! – Bố tôi vừa ngạc nhiên vừa mừng rỡ thốt lên.*

Gạch ngang đầu dòng thứ nhất đánh dấu chỗ bắt đầu lời nói của bố.

Gạch ngang thứ hai đánh dấu phần chú thích – đây là lời bố, bố ngạc nhiên, mừng rỡ.

## **5. Củng cố, dặn dò**

– GV nhận xét tiết học. Yêu cầu HS ghi nhớ nội dung bài học.

– Dặn những HS làm BT2 chưa đạt về nhà sửa bài, viết lại vào vở.